TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Tấn Lãm
2. Ông Ngô Văn Tám
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Anh Đào– Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:* Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1980 (có mặt)

* Bị đơn: Ông Trương Thế H2, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn ĐL, xã O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2021, lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Trương Thế H2 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, không đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống áp lực, ông H2 nhiều lần

xúc phạm danh dự và đe dọa bà H. Ngoài ra ông H2 có tình cảm với người phụ nữ khác, bà H đã nhiều lần níu kéo gia đình nhưng không được. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị H với ông Trương Thế H2.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Huệ, ông Hải có 02 người con chung: Cháu Trương Thế Minh Q, sinh ngày 10/01/2006 và Trương Thị Khánh L, sinh ngày 02/3/2008. Tại phiên tòa bà H đồng ý giao 02 người con chung cho ông H2 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống bà H, ông H2 tạo dựng được các tài sản sau: Diện tích 239,4m^2, tọa lạc tại thôn ĐL, xã O, huyện Bù Gia Mập, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005019/CN do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/3/2021. Tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 04 diện tích 100m^2; Diện tích đất 6.000m^2 tọa lạc tại thôn 4, xã Đắk Ơ, huyện Bù Gia Mập, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 1.000 nọc tiêu trồng năm 2017 và các vật dụng trong nhà; nợ chung không có. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H có yêu cầu được chia đôi phần tài sản này. Tại phiên tòa bà H đã có đơn xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung.

** Bị đơn ông Trương Thế H2 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Phạm Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì ông H2, bà H sống hạnh phúc, nhưng trong gia đình cũng có một vài mâu thuẫn nhỏ. Tuy nhiên, bà H mỗi lần giận dỗi là hay bỏ nhà đi xong lại về, nhiều lần như vậy dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tết đến nay. Ông H2 xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, không còn sự tôn trọng nhau nên đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông H2, bà H có 02 người con chung: Cháu Trương Thế Minh Q, sinh ngày 10/01/2006 và Trương Thị Khánh L, sinh ngày 02/3/2008. Khi ly hôn ông H2 yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H2 không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về thụ lý, phân công thẩm phán; xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; thủ tục công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 197, 205, 208, 209 của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 38, 51, 56, 58, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Giao 02 người con chung Trương Thế Minh Q, sinh ngày 10/01/2006 và Trương Thị Khánh L, sinh ngày 02/3/2008 cho ông H2 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", do nguyên đơn bà Phạm Thị H thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Trương Thế H2 có hội khẩu thường trú và nơi cư trú tại Thôn ĐL, xã O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Trương Thế H2 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, không đăng ký kết hôn. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H2 là hôn nhân không hợp pháp, vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định, việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại điều này thì không có giá trị pháp lý. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H với ông H2 là phù hợp.

* Về con chung: Ông H2 có yêu cầu được nuôi hai người con chung là Trương Thế Minh Q, sinh ngày 10/01/2006 và Trương Thị Khánh L, sinh ngày 02/3/2008. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Tại biên bản lấy lời khai cháu Q, cháu L đều có nguyện vọng muốn ở với ông Hải, tại phiên tòa bà H cũng đồng ý giao hai người con chung cho ông H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao 02 người con chung cho ông H2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông H2 không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các điều 9, 14; 15; 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhân quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị H với ông Trương Thế H2

1.2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Trương Thế Minh Q, sinh ngày 10/01/2006 và Trương Thị Khánh L, sinh ngày 02/3/2008 cho ông H2 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu

cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

1.5. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* bà H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007709 ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã O;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết